

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN ĐÔNG TRIỀU - TKV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *440* /NĐĐT-KHVT

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 02 năm 2025

V/v báo giá cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng một số pa lăng, cầu trục năm 2025 của Nhà máy nhiệt điện Mạo Khê

Kính gửi: Quý công ty và các nhà cung cấp dịch vụ

Trước tiên, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV xin gửi lời chào trân trọng và cảm ơn sự hợp tác từ Quý công ty trong thời gian qua.

Hiện nay, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đang chuẩn bị lập dự toán: *Sửa chữa, bảo dưỡng một số pa lăng, cầu trục của Nhà máy nhiệt điện Mạo Khê năm 2025*. Để có cơ sở lập dự toán, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đề nghị Quý công ty báo giá chi phí dịch vụ cho các nội dung công việc trên theo các Phụ lục đính kèm.

- Địa điểm thực hiện: Nhà máy nhiệt điện Mạo Khê (Địa chỉ: Đông Sơn - Bình Khê - Đông Triều - tỉnh Quảng Ninh).

- Hiệu lực của báo giá: 60 ngày kể từ ngày báo giá.

- Báo giá phải do người đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của người đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản có giá trị tương đương.

Báo giá của Quý công ty xin gửi tới địa chỉ và thời gian như sau:

- Địa chỉ gửi báo giá: Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Địa chỉ: Khu Đông Sơn - phường Bình Khê – thành phố Đông Triều - tỉnh Quảng Ninh; Điện thoại: 0203.6266.323; Fax: 0203.626.324; Email: dongtrieu.dtk@gmail.com).

(Mọi thông tin trao đổi xin liên hệ: Ông Vũ Thanh Tuấn - Nhân viên phòng KHĐT-VT; Số điện thoại: 0822.444.789).

- Thời gian báo giá: chậm nhất ngày 05/3/2025.

Rất mong nhận được sự hợp tác và phản hồi sớm từ Quý công ty.

Trân trọng 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (e-copy để b/c);
- Lưu: TCHC, KHVT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Mão

PHỤ LỤC 1. BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG ĐỀ NGHỊ BẢO GIÁ PHẦN DỊCH VỤ
(Kèm theo Văn bản số 440 /NĐĐT-KHVT ngày 20 /02/2025 của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV)

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá chào trước thuế GTGT (đồng/đvt)	Thuế suất thuế GTGT	Thành tiền sau thuế GTGT (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	$(7) = (4) \times (5) \times [1 + (6)]$	(8)
1	Cầu trục lần hai đảm vị trí số 1 gian tua bin	Bộ	1				Loại 75,0/20,0 tấn
2	Pa lăng điện bơm nước cấp A gian tuabin tổ máy 1	Bộ	1				Loại 10,0 tấn
3	Pa lăng điện bơm nước cấp B gian tuabin tổ máy 1	Bộ	1				Loại 10,0 tấn
4	Pa lăng điện bơm nước cấp C gian tuabin tổ máy 1	Bộ	1				Loại 10,0 tấn
5	Pa lăng điện bơm chân không A tổ máy 1	Bộ	1				Loại 5,0 tấn
6	Pa lăng điện bơm chân không B tổ máy 1	Bộ	1				Loại 5,0 tấn
7	Pa lăng điện bơm nước tuần hoàn gian tua bin tổ máy 1	Bộ	1				Loại 10,0 tấn
8	Pa lăng điện bơm cấp nước kín gian tuabin tổ máy 1	Bộ	1				Loại 5,0 tấn

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá chào trước thuế GTGT (đồng/đvt)	Thuế suất thuế GTGT	Thành tiền sau thuế GTGT (đồng)	Ghi chú
9	Pa lăng điện đỉnh lò hơi số 1	Bộ	1				Loại 5,0 tấn
10	Pa lăng điện quạt gió cao áp số 1 lò hơi số 1	Bộ	1				Loại 5,0 tấn
11	Pa lăng điện quạt gió cao áp số 2 lò hơi số 1	Bộ	1				Loại 5,0 tấn
12	Pa lăng điện quạt gió thử cấp lò hơi số 1	Bộ	1				Loại 10,0 tấn
13	Pa lăng điện quạt gió sơ cấp lò hơi số 1	Bộ	1				Loại 10,0 tấn
14	Pa lăng điện khu cấp bột đá vôi lò 1	Bộ	1				Loại 3,0 tấn
15	Pa lăng điện đỉnh silo tro tổ máy số 1	Bộ	1				Loại 1,0 tấn
16	Pa lăng điện vị trí số 1 lọc bụi tĩnh điện lò hơi số 1	Bộ	1				Loại 3,0 tấn
17	Pa lăng điện vị trí số 2 lọc bụi tĩnh điện lò hơi số 1	Bộ	1				Loại 3,0 tấn
18	Pa lăng điện quạt dẫn gió lò hơi số 1 (quạt khói)	Bộ	1				Loại 18,0 tấn
19	Pa lăng điện sau trạm bơm nước tuần hoàn	Bộ	1				Loại 10,0 tấn
20	Pa lăng điện số 1 gian làm mát tổ 2	Bộ	1				Loại 5,0 tấn

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá chào trước thuế GTGT (đồng/đvt)	Thuế suất thuế GTGT	Thành tiền sau thuế GTGT (đồng)	Ghi chú
	sau trạm bơm nước tuần hoàn						
21	Pa lăng điện số 2 gian làm mát tổ 2 sau trạm bơm nước tuần hoàn	Bộ	1				Loại 5,0 tấn
22	Pa lăng điện số 3 gian làm mát tổ 1 sau trạm bơm nước tuần hoàn	Bộ	1				Loại 5,0 tấn
23	Pa lăng điện số 4 gian làm mát tổ 1 sau trạm bơm nước tuần hoàn	Bộ	1				Loại 5,0 tấn
24	Cầu trục lần hai đảm trạm bơm nước tuần hoàn	Bộ	1				Loại 50,0/10,0 tấn
25	Cầu trục lần 1 đảm nhà bơm nước cứu hỏa và sinh hoạt	Bộ	1				Loại 5,0 tấn
26	Cầu trục treo một đầm nhà bơm nước thải công nghiệp	Bộ	1				Loại 2,0 tấn
27	Pa lăng điện tầng 1 - cos 0,0m trong nhà si lo thải xỉ	Bộ	1				Loại 2,0 tấn
28	Pa lăng điện tầng 2 - cos 6,3m si lo thải xỉ	Bộ	1				Loại 2,0 tấn
29	Pa lăng điện đỉnh si lo thải xỉ	Bộ	1				Loại 1,0 tấn
30	Pa lăng điện đỉnh si lo tro	Bộ	1				Loại 1,0 tấn
31	Pa lăng điện số 1 đầu tháp băng tải	Bộ	1				Loại 10,0 tấn

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá chào trước thuế GTGT (đồng/đvt)	Thuế suất thuế GTGT	Thành tiền sau thuế GTGT (đồng)	Ghi chú
	than chuyển tiếp - trạm trung chuyển than T1						
32	Pa lăng điện số 2 đầu tháp băng tải than chuyển tiếp - trạm trung chuyển than T1	Bộ	1				Loại 10,0 tấn
33	Cầu trục treo một dầm băng tải than - trạm trung chuyển than T1	Bộ	1				Loại 3,0 tấn
34	Cầu trục treo một dầm băng tải than - trạm trung chuyển than T2	Bộ	1				Loại 3,0 tấn
35	Pa lăng điện trạm trung chuyển than T3	Bộ	1				Loại 3,0 tấn
36	Cầu trục treo một dầm trạm trung chuyển than T4	Bộ	1				Loại 3,0 tấn
37	Pa lăng điện trạm trung chuyển than T5	Bộ	1				Loại 3,0 tấn
38	Pa lăng điện đầu băng tải C5	Bộ	1				Loại 3,0 tấn
39	Pa lăng điện nhà sửa chữa máy xúc gạt	Bộ	1				Loại 5,0 tấn
40	Pa lăng điện đầu băng tải 1B	Bộ	1				Loại 3,0 tấn
41	Pa lăng điện số 2 si lo than lò số 1 (băng tải than A,B)	Bộ	1				Loại 3,0 tấn

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá chào trước thuế GTGT (đồng/đvt)	Thuế suất thuế GTGT	Thành tiền sau thuế GTGT (đồng)	Ghi chú
42	Pa lăng điện trạm khí nén (đo lường)	Bộ	1				Loại 5,0 tấn
43	Pa lăng điện nhà quạt gió khí nén si lo tro xỉ	Bộ	1				Loại 3,0 tấn
44	Pa lăng điện nhà điều khiển lọc bụi tĩnh điện	Bộ	1				Loại 5,0 tấn
45	Pa lăng điện trạm nhập dầu FO	Bộ	1				Loại 5,0 tấn
46	Pa lăng điện vị trí số 1 - tầng 3 nhà nghiền đá vôi	Bộ	1				Loại 5,0 tấn
47	Pa lăng điện vị trí số 2 - tầng 3 nhà nghiền đá vôi	Bộ	1				Loại 5,0 tấn
48	Pa lăng điện tầng 4 nhà nghiền đá vôi	Bộ	1				Loại 3,0 tấn
49	Pa lăng điện trạm trung chuyển băng tải xỉ (tháp tro xỉ T1)	Bộ	1				Loại 3,0 tấn
50	Pa lăng điện trạm vận chuyển tro xỉ số 2 (băng tải ống)	Bộ	1				Loại 5,0 tấn
51	Cầu trục lần hai dầm vị trí số 1 nhà kho	Bộ	1				Loại 5,0 tấn
52	Cầu trục lần hai dầm vị trí số 2 nhà kho	Bộ	1				Loại 5,0 tấn
53	Cầu trục lần hai dầm vị trí số 2 gian	Bộ	1				Loại 75,0/20,0

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá chào trước thuế GTGT (đồng/đvt)	Thuế suất thuế GTGT	Thành tiền sau thuế GTGT (đồng)	Ghi chú
	tua bin						tấn
54	Pa lăng điện bơm cấp nước A gian tua bin tổ máy 2	Bộ	1				Loại 10,0 tấn
55	Pa lăng điện bơm cấp nước B gian tua bin tổ máy 2	Bộ	1				Loại 10,0 tấn
56	Pa lăng điện bơm cấp nước C gian tua bin tổ máy 2	Bộ	1				Loại 10,0 tấn
57	Pa lăng điện bơm chân không A tổ máy 2	Bộ	1				Loại 5,0 tấn
58	Pa lăng điện bơm chân không B tổ máy 2	Bộ	1				Loại 5,0 tấn
59	Pa lăng điện bơm nước tuần hoàn gian tua bin tổ máy 2	Bộ	1				Loại 10,0 tấn
60	Pa lăng điện bơm cấp nước kín gian tuabin tổ máy 2	Bộ	1				Loại 5,0 tấn
61	Pa lăng điện số 1 - quạt gió cao áp lò hơi số 2	Bộ	1				Loại 5,0 tấn
62	Pa lăng điện số 2 - quạt gió cao áp lò hơi số 2	Bộ	1				Loại 5,0 tấn
63	Pa lăng đỉnh lò hơi lò 2	Bộ	1				Loại 5,0 tấn

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá chào trước thuế GTGT (đồng/dvt)	Thuế suất thuế GTGT	Thành tiền sau thuế GTGT (đồng)	Ghi chú
64	Pa lăng quạt gió thứ cấp lò hơi số 2	Bộ	1				Loại 10,0 tấn
65	Pa lăng quạt gió sơ cấp lò hơi số 2	Bộ	1				Loại 10,0 tấn
66	Pa lăng điện khu cấp bột đá vôi lò 2	Bộ	1				Loại 3,0 tấn
67	Pa lăng điện đỉnh si lo tro tổ máy số 2	Bộ	1				Loại 1,0 tấn
68	Pa lăng điện vị trí số 2 lọc bụi tĩnh điện lò hơi số 2	Bộ	1				Loại 3,0 tấn
69	Pa lăng điện vị trí số 1 lọc bụi tĩnh điện lò hơi số 2	Bộ	1				Loại 3,0 tấn
70	Pa lăng điện quạt dẫn gió lò hơi số 2 (quạt khói)	Bộ	1				Loại 18,0 tấn
71	Pa lăng điện số 1 - trạm bơm nước hồ điều tiết	Bộ	1				Loại 5,0 tấn
72	Pa lăng điện số 2 - trạm bơm nước hồ điều tiết	Bộ	1				Loại 5,0 tấn
73	Cầu trục lần 1 dầm trong nhà - trạm bơm nước hồ điều tiết	Bộ	1				Loại 3,0 tấn
74	Cầu trục lần hai dầm Phân xưởng sửa chữa (xưởng sửa chữa cơ khí)	Bộ	1				Loại 5,0 tấn
75	Cầu trục lần hai dầm Phân xưởng sửa chữa (xưởng sửa chữa cơ khí)	Bộ	1				Loại 20,0 tấn

PHỤ LỤC 2. BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG ĐỀ NGHỊ BẢO GIÁ PHẦN HÀNG HÓA
(Kèm theo Văn bản số *HHO /NĐĐT-KHVT* ngày *20 /02/2024* của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV)

STT	Tên hàng hóa	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Thời gian giao hàng	Thời gian bảo hành	Đơn giá trước thuế GTGT (đồng/đvt)	Thuế suất thuế GTGT	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	$(8) = (5) \times (6) \times [1 + (7)]$	(9)	(10)	
1	Thép V	Kích thước: 50x50x3mm; vật liệu: thép CT3 (6m/thanh)	m	18							(*)
2	Kẹp treo ray	Mã hiệu: KY-BCS3100 SUS 304; hãng sản xuất TAIWAN HOIST AND CRANE CO., LTD	Cái	110			06 tháng				(**)
3	Cáp điện dẹt	loại Cu/PVC/PVC 3x6+1x4mm ²	M	150			06 tháng				(*)
4	Thanh ray trượt	Mã hiệu: KY-BCS3030 SUS 304; hãng sản xuất TAIWAN HOIST AND CRANE CO., LTD	Cái	34			06 tháng				(**)
5	Khớp nối ray	Mã hiệu: KY-BCS3300 SUS 304; hãng sản xuất TAIWAN HOIST AND	Cái	38			06 tháng				(**)

STT	Tên hàng hóa	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Thời gian giao hàng	Thời gian bảo hành	Đơn giá trước thuế GTGT (đồng/đvt)	Thuế suất thuế GTGT	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		CRANE CO., LTD									
6	Kẹp cáp cuối	Mã hiệu: KY-BCS3200 SUS 304; hãng sản xuất TAIWAN HOIST AND CRANE CO., LTD	Cái	5			06 tháng				(**)
7	Nắp cuối	Mã hiệu: KY-BC3210; hãng sản xuất TAIWAN HOIST AND CRANE CO., LTD	Cái	5			06 tháng				(**)
8	Con lăn dẫn hướng cáp điện	Mã hiệu: KY-BCS3625 SUS 304; hãng sản xuất TAIWAN HOIST AND CRANE CO., LTD	Cái	118			06 tháng				(**)
9	Vòng bi	Mã hiệu: NU 204; của nhà sản xuất SKF	Cái	4			06 tháng				(**)
10	Vòng bi	Mã hiệu: NU 209; của nhà sản xuất SKF	Cái	4			06 tháng				(**)
11	Vòng bi	Mã hiệu: 51113; của nhà sản xuất SKF	Cái	4			06 tháng				(**)
12	Vòng bi	Mã hiệu: 51107; của	Cái	4			06 tháng				(**)

STT	Tên hàng hóa	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Thời gian giao hàng	Thời gian bảo hành	Đơn giá trước thuế GTGT (đồng/dvt)	Thuế suất thuế GTGT	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		nhà sản xuất SKF									
13	Vòng bi	Mã hiệu: NU 203; của nhà sản xuất SKF	Cái	4			06 tháng				(**)
14	Vòng bi	Mã hiệu: NU 206; của nhà sản xuất SKF	Cái	4			06 tháng				(**)
15	Móc cầu	Tải trọng: 05 tấn; một rãnh cáp	Cái	1			06 tháng				(*)
16	Cáp thép	Loại Ø 15; 6x37+FC	M	220			06 tháng				(*)
17	Cáp thép	Loại Ø 18; 6x19W+FC	M	370			06 tháng				(*)
18	Cáp thép	Loại Ø 13; 6x37+FC	M	440			06 tháng				(*)
19	Cáp thép	Loại Ø 8; 8x19+FC	M	80			06 tháng				(*)
20	Vỏ tủ điện	Kích thước H400xW700xD200mm. Vật liệu inox 304 dày 1,5mm	Cái	4							(*)
Tổng cộng											
Bảng chữ:.....đồng./.											

(*) Đề nghị đơn vị báo giá chào đầy đủ nhà sản xuất và xuất xứ của hàng hóa. Nếu đơn vị báo giá không chào đầy đủ nội dung nêu trên thì mục hàng hóa của đơn vị báo giá không được xem xét.

(**) Đề nghị đơn vị báo giá chào đúng chủng loại hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật. Trong trường hợp hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật không còn trên thị trường hoặc nhà sản xuất đã thay đổi sang mã khác, đơn vị báo giá có thể đề xuất sang hàng hóa khác và phải cung cấp các tài liệu kỹ thuật và tài liệu chứng minh hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật không còn trên thị trường hoặc nhà sản xuất đã thay đổi sang mã khác. Nếu đơn vị báo giá không cung cấp các tài liệu kỹ thuật và tài liệu chứng minh nêu trên thì mục hàng hóa tương ứng của đơn vị báo giá không được xem xét.

PHỤ LỤC 3. PHẠM VI VÀ NỘI DUNG CÔNG VIỆC

(Kèm theo Văn bản số **440** /NĐĐT-KHVT ngày **20** /02/2025
của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV)

1. Phạm vi công việc

- Bên mời cung cấp dịch vụ (Bên A): Tách thiết bị ra khỏi dây chuyền sản xuất để bàn giao cho Bên cung cấp dịch vụ (Bên B) thực hiện sửa chữa, bảo dưỡng. Trường hợp cần phải thay thế vật tư trong quá trình thực hiện, Bên A sẽ cung cấp vật tư để Bên B thực hiện;

- Bên B: Tiếp nhận các thiết bị từ Bên A, bố trí phương tiện, lắp đặt giàn giáo để tháo thiết bị và vận chuyển đến nơi sửa chữa, bảo dưỡng sau đó tiến hành thực hiện các nội dung công việc sửa chữa, bảo dưỡng theo quy định của hợp đồng.

2. Nội dung công việc

Bên B tiếp nhận bàn giao thiết bị của Bên A và thực hiện các công việc sau:

a) Vận chuyển và lắp dựng dàn giáo sửa chữa pa lăng, cầu trục:

- Vận chuyển giáo từ kho ra pa lăng và vận chuyển về kho;
- Lắp dựng dàn giáo để bảo dưỡng pa lăng, cầu trục;
- Tháo giáo sau khi bảo dưỡng pa lăng, cầu trục xong.

b) Bảo dưỡng động cơ:

- Đo kiểm tra cách điện động cơ;
- Vệ sinh động cơ, xiết lại đầu cốt, thay vòng bi bị hỏng;
- Thay thế động cơ bị hỏng;
- Chạy thử không tải kiểm tra và xử lý nếu có hiện tượng bất thường.

c) Bảo dưỡng hộp giảm tốc:

- Kiểm tra hộp giảm tốc và xử lý nếu có bất thường;
- Bỏ sung dầu hộp giảm tốc;
- Thay thế hộp giảm tốc bị hỏng.

d) Bảo dưỡng hệ thống phanh, cơ cấu truyền động di chuyển:

- Kiểm tra, căn chỉnh má phanh, xử lý các khiếm khuyết phát sinh;
- Xử lý khiếm khuyết cơ cấu truyền động di chuyển;
- Thay thế cáp hỏng.

e) Bảo dưỡng phần điện điều khiển:

- Vệ sinh các thiết bị tủ điện, thay thế các thiết bị hỏng;
- Căn chỉnh các công tắc hành trình;
- Vệ sinh các nút nhấn điều khiển.

f) Bảo dưỡng, sửa chữa phần kết cấu cơ khí:

- Kiểm tra hư hỏng kết cấu, lập kế hoạch thay thế phần kết cấu cơ khí.

PHỤ LỤC 4. ĐIỀU KIỆN NGHIỆM THU KỸ THUẬT

*(Kèm theo Văn bản số **H40** /NĐĐT-KHVT ngày **20** /02/2025
của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV)*

- Nghiệm thu kỹ thuật: Sau khi Bên B thực hiện sửa chữa thiết bị đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật theo quy định của Hợp đồng;
- Nghiệm thu khối lượng hoàn thành: Sau khi bên B thực hiện hoàn thành toàn bộ công việc theo quy định hợp đồng đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và thiết bị của Bên A sau khi sửa chữa được cấp giấy chứng nhận kiểm định do đơn vị có chức năng kiểm định thực hiện.

PHỤ LỤC 5. CÁC ĐIỀU KIỆN THƯƠNG MẠI

(Kèm theo Văn bản số 440 /NĐĐT-KHVT ngày 20 /02/2025
của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV)

1. Địa điểm, thời gian và tiến độ thực hiện

- Địa điểm: Bên B sẽ thực hiện công việc tại Nhà máy nhiệt điện Mạo Khê.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 9 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
- Tiến độ thực hiện hợp đồng: 30 ngày kể từ ngày Bên A bàn giao thiết bị cho Bên B để tiến hành sửa chữa (không bao gồm thời gian kiểm định).

2. Điều khoản thanh toán

- Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản.
- Đồng tiền thanh toán: Thanh toán bằng đồng Việt Nam.
- Số lần thanh toán: Thanh toán từng đợt cho Bên B khi có khối lượng hoàn thành được nghiệm thu.
- Thời gian thanh toán: Bên A sẽ thanh toán cho Bên B trong 45 ngày sau khi Bên A nhận được đầy đủ chứng từ thanh toán hợp lệ.
- Chứng từ thanh toán:
 - + Văn bản đề nghị thanh toán của Bên B;
 - + Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành được ký kết bởi đại diện của hai bên;
 - + Biên bản thanh/quyết toán được ký kết bởi đại diện của hai bên;
 - + Hoá đơn tài chính hợp lệ do Bên B phát hành.

3. Loại hợp đồng

- Theo đơn giá cố định.

4. Bảo hành và khắc phục khiếm khuyết

- Thời hạn bảo hành: Thời gian thực hiện bảo hành: 06 tháng kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành, bàn giao thiết bị đưa vào sử dụng.
- Khắc phục khiếm khuyết:
 - + Trong thời gian bảo hành, nếu có hư hỏng do lỗi của Bên B thì Bên B phải khắc phục, sửa chữa hoặc thay thế phần bị hỏng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A (bằng văn bản hoặc điện thoại).
 - + Trường hợp Bên B không khắc phục khiếm khuyết trong khoảng thời gian được quy định theo Hợp đồng, Bên A có thể thuê tổ chức khác khắc phục các khiếm khuyết, xác định chi phí khắc phục khiếm khuyết và Bên B sẽ phải hoàn trả khoản chi phí này.